

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 20/5/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Minh Nhựt**;

2. Bà **Hồ Thị Bích Tuyền**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông **Lâm Sển** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Sương E**, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp Hòa Thọ, xã Mong T, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Chị Sương E có mặt tại phiên tòa).

* Bị đơn: Anh **Lê Thanh T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp Hòa Thọ, xã Mong T, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 06/01/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Sương E trình bày:* Vào năm 2015, chị và anh Lê Thanh T cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Mong Thọ A, huyện Châu T, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/10/2005.

Cuộc sống chung thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau về tính tình và cách sống nên thường xảy ra cự cãi dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Tùng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung tên Lê Ngọc Thùy Anh, sinh ngày 16/12/2006, hiện nay đang sinh sống cùng chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có tạo lập được tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết còn về phần nợ thì vợ chồng cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Sương E yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Lê Thanh Tùng
- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc Thùy Anh, sinh ngày 16/12/2006, chị yêu cầu Tòa án xem xét theo nguyện vọng của con, nếu con theo chị thì chị chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Tùng cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/5/2022 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19/5/2022 bị đơn anh Lê Thanh T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Sương E về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng.

Nay chị Sương E yêu cầu xin ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Sương E

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc Thùy Anh, sinh ngày 16/12/2006, anh yêu cầu Tòa án xem xét theo nguyện vọng của con, nếu con theo ai thì người đó chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Sương Em.

Qua xem xét ý kiến trình bày của chị Sương Em và anh Tùng thể hiện thống nhất thuận tình ly hôn và thỏa thuận được tất cả các vấn đề trong vụ án, nhưng anh Tùng vắng mặt không tham gia các giai đoạn tố tụng tại tòa án nên Tòa án không ban hành quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự và tiến hành đưa vụ ra xét xử theo theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Sương E khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn anh Lê Thanh T có hộ khẩu thường trú ấp Hòa Thọ, xã Mong T, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn anh Lê Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Sương E và anh Tùng kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn năm 2005 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị Sương Em nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình và cách sống. Thực tế chị Sương E và anh T đã sống ly thân trong thời gian dài, không ai quan tâm đến ai và vấn đề này cũng được anh Tùng thừa nhận. Mặc khác, tại đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt anh Tùng cũng đồng ý ly hôn với chị Sương E. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Sương E và anh Tùng đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Sương E yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tùng để ổn định cuộc sống và anh T cũng đồng ý.

Vì vậy, yêu cầu của chị Sương Em xin ly hôn anh Tùng là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình là có căn cứ để chấp nhận .

[3] Về quan hệ con chung: Chị Sương E và anh T đều xác nhận, trong thời gian chung sống giữa anh chị có 01 người con chung tên Lê Ngọc Thùy Anh, sinh ngày 16/12/2006 hiện nay cháu Thùy Anh đang sống với chị Sương Em. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Sương Em và anh Tùng thống nhất yêu cầu xem xét theo nguyện vọng của con và tại biên bản ghi ý kiến, nguyện vọng của cháu Thùy Anh thể hiện cháu có nguyện vọng sống với chị Sương E nên HĐXX xét thấy cần tiếp tục giao cháu Thùy Anh cho chị Sương E tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho chị Sương E về quyền yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật nhưng chị Sương E xác định không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và việc chị Sương E không yêu cầu anh Tùng phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Sương E và anh Tùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Sương E và anh Tùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Sương Em phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Sương E và anh Lê Thanh T.
2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Ngọc Thùy Anh, sinh ngày 16/12/2006 cho chị Sương E tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của con). Chị Sương Em không yêu cầu anh Tùng cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.
Anh Lê Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Sương E và anh Lê Thanh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Sương E và anh Lê Thanh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Sương E phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000984 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang; Chị Sương Em không phải nộp thêm.

6. “ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

7. Chị Sương E có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Pì Sách

